

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUẬN CHÂU
TỈNH SƠN LA**

Bản án số: 179/2017/HSST.

Ngày: 29/9/2017.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN CHÂU, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Kỳ Việt.

Các Hội thẩm nhân nhân: Ông Hoàng Trung Trọng + Ông Hà Ngọc Phương.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Tiến Dũng – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thuận Châu.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La tham gia phiên toà: Ông Lương Văn Dũng – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 175/2017/HSST ngày 07 tháng 9 năm 2017 đối với bị cáo:

Lương Văn Q; Tên gọi khác: Không; SN: 1994; Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12; Dân tộc: Thái; Con ông: Lương Văn T – SN: 1973 và bà: Hoàng Thị T – SN: 1977; bị cáo có vợ là: Lò Thị N – SN: 1997 và có 02 con (*Lớn 03 tuổi, nhỏ 03 tháng tuổi*); Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt giam giữ từ ngày 24/6/2017, cho đến nay có mặt tại phiên toà.

*** Những người bị hại:**

1. Anh Lò Văn D, SN: 1987, nơi cư trú: Bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngâm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (*Có mặt*).

2. Anh Lò Văn Q, SN: 1989, nơi cư trú: Bản Nong Bon, xã Bó Mươi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (*Có mặt*).

3. Anh Quàng Văn L Lò Văn; SN: 1979, nơi cư trú: Bản Đông Mạ, xã Bó Mươi, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La (*Có mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào hồi 16 giờ ngày 24/6/2017, tại khu vực bản Mện, xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, Công an xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu, phát hiện bắt quả tang đối tượng: Lường Văn Q (*Trú tại: Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La*) về hành vi Trộm cắp tài sản, vật chứng thu giữ gồm:

- 01 xe máy BKS: 26M1 – 025.46, mang nhãn hiệu HONDA, loại WAVE RSX màu đen;

- 01 Vam phá khóa, đầu tuýp tròn bằng kim loại, dài khoảng 20 cm, có khớp gập khoảng 5 cm;

- 01 điện thoại di động, nhãn hiệu SAMSUNG;

Tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, Lường Văn Q đã khai nhận như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 24/6/2017, Q đang ở nhà mình (*Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La*), thì Cầm Văn H (*SN: 1987, trú tại Bản N, xã C, huyện M, tỉnh Sơn La*) gọi điện thoại rủ Q đi trộm cắp tài sản ở huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đồng thời hẹn gặp nhau tại ngã ba Mai Sơn, Sơn La, Q đồng ý đến điểm hẹn sau đó cả hai đi bằng xe máy của H đến huyện Thuận Châu. Vào lúc 15 giờ cùng ngày (*24/6/2017*), khi H và Q đang di chuyển trên đoạn đường liên xã, thuộc bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu, thì phát hiện có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA BKS: 26M1 – 025.46, đang dừng cạnh đường không có người trông coi, H liền dừng xe bảo Q đứng cạnh giới, còn H thì lấy Tuýp sắt (*Vam phá khóa*) cho vào ổ khóa điện, cũng là khóa cổ chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46, sau khi phá được khóa xe thì H giao chiếc xe máy đó cho Q khởi động máy rồi điều khiển xe về hướng thành phố Sơn La. Về phía H thì tiếp tục điều khiển xe máy của mình chạy ở phía sau, tuy nhiên khi Q điều khiển xe đi được khoảng 1 Km, thì phát hiện có nhiều người xung quanh truy đuổi, sau đó thì Q bị bắt giữ tại khu vực bản Mện, xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, cùng vật chứng là chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46 như đã nêu ở trên.

Lời khai của chủ xe máy 26M1 – 025.46 - Anh Lò Văn D (*Nơi cư trú: Bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngảm, huyện Thuận Châu*), như sau: Khoảng 14 giờ 30 phút ngày 24/6/2017, anh cùng với vợ trong khi thu hoạch lúa ruộng ở khu vực bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngảm đã để xe máy ở ven đường liên xã, sau đó anh phát hiện có 02 đối tượng lạ lấy trộm, anh đã cùng với anh Luân (*Người cùng bản*) và Công an xã Chiềng Ngảm truy đuổi sau đó bắt giữ được một trong hai đối tượng trộm cắp xe máy là Lường Văn Q.

Sau khi tiếp nhận đối tượng Lường Văn Q từ Công an xã Chiềng Ngảm, cơ quan CSĐT Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã tiến hành biện pháp đấu tranh xét hỏi: Bị can Q đã thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46 tại khu vực đường liên xã, thuộc bản Nà Cưa, xã Chiềng Ngảm cùng với đối

tượng đã bỏ trốn là Cẩm Văn H. Ngoài ra Q còn khai ra 02 vụ trộm cắp xe máy cùng với đối tượng Cẩm Văn H đã thực hiện trước đó như sau:

* Vụ thứ nhất: Vào khoảng 22 giờ ngày 13/6/2017, Q và H sử dụng phương tiện xe máy của H đi đến địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, để trộm cắp tài sản, khi phát hiện chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WAVE α , BKS: 26B2 – 030.20, chìa khóa xe vẫn cắm ở ổ khóa điện, dựng dưới gầm sàn nhà anh Lò Văn Q (*Bản Nong Bon, xã Bó Mười, huyện Thuận Châu*), các đối tượng đã bàn nhau: Đề Q đứng ngoài canh giới, còn H thì trực tiếp vào gầm sàn nhà dắt xe ra, sau đó mỗi người điều khiển một xe đi về thành phố Sơn la, Q thuê nhà trọ nghỉ qua đêm, còn H thì mang chiếc xe máy trộm cắp đi tiêu thụ. Khoảng 08 giờ ngày hôm sau (14/6/2017) H quay lại nơi Quyền đang thuê trọ chia cho Quyền 2.500.000đ (*Hai triệu năm trăm ngàn đồng*), số tiền có được do trộm cắp xe máy của anh Lò Văn Q bản thân bị cáo Q đã tiêu xài hết.

* Vụ thứ hai: Vào khoảng 15 giờ ngày 20/6/2017, Q và H tiếp tục sử dụng phương tiện xe máy của H đi đến địa bàn huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn la, để trộm cắp tài sản, khi qua bản Đông Mạ, xã Bó Mười, thì phát hiện 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại WREBLADE, màu sơn đen đỏ, BKS: 26M1 – 071.28 đang dựng ở hiên nhà anh Quảng Văn L, các đối tượng đã bàn nhau: Q đứng ngoài canh giới còn H tiếp cận chiếc xe máy, dùng Vam phá khóa xe của người bị hại, sau đó H điều khiển chiếc xe vừa trộm cắp được, còn quyền điều khiển xe của H, cả hai cùng đi về thành phố Sơn La, Q đi thuê nhà trọ nghỉ qua đêm, còn H mang xe máy trộm cắp được đi tiêu thụ. Khoảng 09 giờ ngày hôm sau (21/6/2017), H quay lại nơi Quyền nghỉ trọ chia cho Q 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) tiền bán chiếc xe máy do trộm cắp được của anh L.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 341/KL- HĐ ngày 28/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE RSX, của anh Lò Văn D còn 70% giá trị sử dụng, có giá 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 493/KL- HĐ ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE @, của anh Lò Văn Q còn 80% giá trị sử dụng, có giá 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 491/KL- HĐ ngày 17/8/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, kết luận: Chiếc xe mô tô 2 bánh nhãn hiệu HONDA, loại xe WAVE BLADE, của anh Quảng Văn L còn 85% giá trị sử dụng, có giá 20.230.000đ (*Hai mươi triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tại bản Cáo trạng số: 137/KSĐT ngày 06/9/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đề nghị truy tố bị can Lương Văn Q về tội: Trộm cắp tài sản, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, giữ quan điểm truy tố bị cáo Lương Văn Q với tội danh và Điều khoản luật áp dụng như trên. Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo;

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm e khoản 2 Điều 138 – các điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 – khoản 2 Điều 46 – khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự;

- Tuyên bố bị cáo Lương Văn Q phạm tội: Trộm cắp tài sản và xử phạt bị cáo mức án từ 30 đến 36 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Buộc bị cáo chấp hành thời gian thử thách, theo quy định của pháp luật.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền. Do bị cáo không có tài sản để thi hành.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS; Các Điều 584, 585, 587, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại (*Lò Văn D*) về việc: Ngày 27/9/2017, anh D đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường khoản tiền công truy tìm tài sản (*Xe máy*) với số tiền 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa anh D không yêu cầu gì thêm, do vậy không đặt ra vấn đề giải quyết.

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại (*Lò Văn Q*) về việc : Ngày 27/9/2017, anh Lò Văn Q đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường một phần giá trị chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số còn lại, theo yêu cầu của anh Q như sau: Giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS: 26B2 – 030.20 là 11.000.000đ + thiệt hại về tài sản để trong cốp xe là 9.000.000đ, bao gồm: Giá trị cuống vé xổ số lẽ ra phải nộp lại cho Công ty xổ số nhưng đã bị mất là 7.500.000đ, công làm lại thẻ rút tiền, Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe. Cộng lại 02 khoản là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người bị hại (*Quàng Văn L*) về việc: Ngày 27/9/2017, anh L đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường một phần giá trị chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Tại phiên tòa bị cáo nhất trí bồi thường số còn lại, theo yêu cầu của anh L như sau: Giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS: 26M1 – 071.28 là 15.230.000đ + Công truy tìm tài sản (*Xe máy*) là 1.500.000đ. Cộng 02 khoản là 16.730.000đ (*Mười sáu triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*).

Tại phiên tòa bị cáo có ý kiến: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội Trộm cắp tài sản. Do vậy đã chủ động khai nhận ra 02 vụ trộm trước đó cùng với đối tượng Cầm Văn H; đã nhờ gia đình vay mượn tiền bồi thường, khắc phục hậu quả; được những người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt. Do vậy xin Hội đồng xét xử xem xét đến hoàn cảnh bị cáo có con mới sinh mà giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Ý kiến người bị hại - Anh Lò Văn D: Đã được cơ quan điều tra giao trả vật chứng là chiếc xe máy và được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường tiền công truy tìm tài sản là 5.000.000đ. Nay không yêu cầu gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến người bị hại – Anh Lò Văn Q: Đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường một phần giá trị chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Nay nhất trí việc bị cáo tự nguyện bồi thường số còn lại, gồm: Giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS: 26B2 – 030.20 là 11.000.000đ + thiệt hại về tài sản để trong cốp xe là 9.000.000đ, bao gồm: Giá trị cuống vé xổ số bị mất là 7.500.000đ, công làm lại thẻ rút tiền, Chứng minh nhân dân và Giấy phép lái xe. Tổng 02 khoản là 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*). Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Ý kiến người bị hại – Anh Quảng Văn L: Đã được gia đình bị cáo tự nguyện bồi thường một phần giá trị chiếc xe máy bị chiếm đoạt là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*). Nay nhất trí việc bị cáo tự nguyện bồi thường số còn lại, gồm: Giá trị còn lại của chiếc xe máy 26M1 – 071.28 là 15.230.000đ + Công truy tìm tài sản là 1.500.000đ. Tổng 02 khoản là 16.730.000đ (*Mười sáu triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*). Ngoài ra đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Trong các ngày 24/6/2017, 13/6/2017 và 20/6/2017, bị cáo Lương Văn Q (*Có căn cước lý lịch như trên*), đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản là 03 chiếc xe máy của những người bị hại, với mục đích bán lấy tiền tiêu xài. Tổng giá trị tài sản bị cáo chiếm đoạt là 51.630.000đ (*Năm mươi một triệu sáu trăm ba mươi ngàn đồng*), cụ thể như sau:

- Chiếm đoạt của anh Lò Văn D 01 chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46, trị giá 15.400.000đ (*Mười lăm triệu bốn trăm ngàn đồng*).

- Chiếm đoạt của anh Lò Văn Q 01 chiếc xe máy BKS: 26B2 – 030.20, trị giá 16.000.000đ (*Mười sáu triệu đồng*).

- Chiếm đoạt của anh Quảng Văn L 01 chiếc xe máy BKS: 26M1 – 071.28, trị giá 20.230.000đ (Hai mươi triệu hai trăm ba mươi ngàn đồng).

Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Xét lời khai nhận của bị cáo ở quá trình điều tra cũng như ở tại phiên tòa là thống nhất, phù hợp với lời khai của bị án và nhân chứng tại biên bản bắt người phạm tội quả tang, phù hợp với lời khai của những người bị hại về thời gian, địa điểm, tài sản bị cáo chiếm đoạt, bản kết luận định giá tài sản về tổ tụng hình sự; Vật chứng thu giữ, cùng các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Trên cơ sở đó đã đủ căn cứ kết luận bị cáo Lương Văn Q đã phạm vào tội Trộm cắp tài sản, theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự. Như quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Châu là có căn cứ, đúng pháp luật.

Tại Điều 138 BLHS quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a)

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng ”.

Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bởi tội phạm bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, gây mất trật tự an ninh ở địa phương. Do vậy cần áp dụng một hình phạt tù nghiêm khắc với mục đích là chế tài trừng trị đối với hành vi phạm tội bị cáo đã gây ra đồng thời cũng là để giáo dục và cải tạo bị cáo thành người công dân thực sự có ích cho xã hội. Áp dụng khoản 2 Điều 138 BLHS có mức hình phạt từ hai năm đến bảy năm tù là tương xứng với tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo, đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật về tội phạm và hình phạt. Bản án xét xử hành vi phạm tội của bị cáo còn là bài học chung trong công tác đấu tranh phòng chống các loại tội về xâm phạm quyền sở hữu trong giai đoạn hiện nay.

[3] Tình tiết tăng nặng: Không có.

[4] Tình tiết giảm nhẹ: Xét quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo đã có sự nhận thức đúng đắn về lỗi lầm gây ra, bằng việc thành khẩn khai báo và tự thú về 02 hành vi phạm tội trước đó; chủ động bồi thường khắc phục hậu quả, được những

người bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ hình phạt. Đó đó cần xem xét áp dụng là các tình tiết giảm nhẹ hình phạt, theo quy định tại các điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 và khoản 2 Điều 46 BLHS.

[5] Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ được quy định tại Điều 46 BLHS; Cùng việc đánh giá hoàn cảnh vợ chồng bị cáo hiện có con nhỏ mới sinh (*03 tháng tuổi*), nên rất cần sự có mặt của bị cáo vào lúc này, mà vận dụng nguyên tắc khoan hồng của Đảng và nhà nước, để miễn chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo bằng việc cho bị cáo được hưởng án treo và giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú, giám sát, giáo dục, theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự.

[6] Bị cáo đang bị tạm giam, cần áp dụng khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự; Để tuyên trả tự do cho bị cáo sau khi kết thúc phiên tòa (*Nếu như bị cáo không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác*).

[7] Đối với hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 5 của Điều 138 BLHS. Căn cứ vào biên bản xác minh, thể hiện bị cáo không có tài sản để thi hành. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Xét nội dung thỏa thuận của bị cáo và những người bị hại tại phiên tòa, là tự nguyện và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự. Nên cần được công nhận sự thỏa thuận đó tại bản án.

[9] Về xử lý vật chứng: Xét việc xử lý vật chứng của cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe máy BKS: 26M1 – 025.46 cho người bị hại (*Anh D*) là phù hợp với quy định của pháp luật. Đối với vật chứng đang tạm giữ là 01 chiếc vạm phá khóa và 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của bị cáo, kết quả điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo thừa nhận đã sử dụng vào việc phạm tội, do vậy cần áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự; để tuyên tịch thu tiêu hủy chiếc vạm phá khóa và tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước chiếc điện thoại di động.

[9] Đối với Chăm Văn H, theo bị cáo khai đã cùng bị cáo tham gia 03 vụ trộm cắp tài sản của những người bị hại. Kết quả điều tra xác định: tại nơi cư trú (*Bản N, xã, huyện M, tỉnh Sơn La*) đối tượng không có mặt tại địa phương, do vậy ngày 10/7/2017 cơ quan điều tra Công an huyện Thuận Châu, tỉnh Sơn La, đã ra thông báo số: 09/TB, để truy tìm đối tượng để điều tra làm rõ. Xét thấy là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, theo quy định tại Điều 99 BLTTHS; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[11] Bị cáo và những người bị hại được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, theo quy định tại các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

- Tuyên bố bị cáo Lường Văn Q phạm tội: Trộm cắp tài sản.

2. Về hình phạt:

Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138 – các điểm b, o, p khoản 1 Điều 46 – khoản 2 Điều 46 – khoản 1, 2 Điều 60 Bộ luật hình sự; Khoản 4 Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn Q 30 (*Ba mươi*) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách đối với bị cáo là 60 (*Sáu mươi*) tháng, tính từ ngày tuyên án (29/9/2017).

- Tuyên trả tự do cho bị cáo Lường Văn Q ngay tại phiên tòa (*Nếu như bị cáo không bị giam giữ về hành vi phạm tội khác*).

- Giao bị cáo Lường Văn Q cho UBND xã C, huyện M, tỉnh Sơn La, giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, 587, 588 và Điều 589 Bộ luật dân sự;

- Công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và những người bị hại về vấn đề bồi thường dân sự như sau:

+ Bị cáo Lường Văn Q có nghĩa vụ bồi thường cho anh Lò Văn Q: Giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS: 26B2 – 030.20 và giá trị tài sản để trong cốp xe, tổng cộng là: 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*).

+ Bị cáo Lường Văn Q có nghĩa vụ bồi thường cho anh Quàng Văn L: Giá trị còn lại của chiếc xe máy BKS: 26M1 – 071.28 và công truy tìm tài sản, tổng cộng là: 16.730.000đ (*Mười sáu triệu bảy trăm ba mươi ngàn đồng*).

4. Xử lý vật chứng:

Áp dụng điểm a khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Tuyên tịch thu tiêu hủy: 01 chiếc vạm phá khóa, đầu tuýp tròn bằng kim loại màu trắng, dài khoảng 20 cm, có khớp gập khoảng 5 cm.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG, vỏ bằng nhựa màu bạc có số: IMEI 1: 359046/08/074280/2; IMEI 2: 359047/08/074280/0. Điện thoại đã qua sử dụng cũ, không kiểm tra bộ phận bên trong máy.

5. Về án phí:

Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

- Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) và án phí dân sự sơ thẩm là 1.836.500đ (Một triệu tám trăm ba mươi sáu ngàn năm trăm đồng).

6. Về quyền kháng cáo:

Áp dụng các Điều 231 và 234 Bộ luật tố tụng hình sự;

Báo cho bị cáo và những người bị hại biết quyền được kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Kể từ thời điểm bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ, thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả, tương ứng với thời gian chậm trả, theo quy định tại Điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự ”./.

Nơi nhận:

- Toà án ND tỉnh;
- Viên kiểm sát (02 bản);
- Sở tư pháp;
- Công an huyện;
- THA hình sự
- THA dân sự huyện;
- UBND xã Chiềng Chung;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VPTA (01 bản).

T. M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

(Đã ký)

Nguyễn Kỳ Việt